

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và áp dụng giá khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ Y tế quy định mức giá tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Xét Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và áp dụng giá khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;
2. Người bệnh chưa tham gia Bảo hiểm y tế;

3. Người bệnh có thể Bảo hiểm y tế nhưng đi khám bệnh, chữa bệnh hoặc sử dụng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế;

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

1. Giá dịch vụ khám bệnh, kiểm tra sức khỏe quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

2. Giá dịch vụ ngày giường bệnh điều trị quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

3. Giá các dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm áp dụng cho các bệnh viện quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với một số trường hợp

a) Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm y tế tuyến tỉnh có chức năng khám bệnh, chữa bệnh; Trung tâm y tế huyện/thành phố thực hiện cả hai chức năng phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh đã được xếp hạng: Áp dụng mức giá của bệnh viện hạng tương đương;

b) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chưa được phân hạng: Áp dụng mức giá của bệnh viện hạng IV;

c) Trạm y tế xã, phường, thị trấn

- Mức giá khám bệnh: Áp dụng mức giá của trạm y tế xã;

- Mức giá các dịch vụ kỹ thuật bằng 70% mức giá của các dịch vụ tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

- Đối với các trạm y tế được Sở Y tế quyết định có giường lưu: Áp dụng mức giá bằng 50% mức giá ngày giường nội khoa loại 3 của bệnh viện hạng IV.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với người bệnh không có thẻ Bảo hiểm y tế, người bệnh có thẻ Bảo hiểm y tế nhưng khám bệnh, chữa bệnh hoặc sử dụng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế đang điều trị nội trú hoặc ngoại trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị sau thời điểm thực hiện mức giá theo quy định tại Nghị quyết này, tiếp tục được áp dụng mức giá theo quy định tại Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn cho đến khi xuất viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận: *W*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (*UBTVQH*);
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (*Bộ Tư pháp*);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT huyện (*thành*) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS. *CH*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du

1
Phụ lục 1. GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **M** /2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: đồng

STT	Cơ sở y tế	Giá tối đa bao gồm chi phí trực tiếp và tiền lương
1	2	3
1	Bệnh viện hạng I	37.000
2	Bệnh viện hạng II	33.000
3	Bệnh viện hạng III	29.000
4	Bệnh viện hạng IV	26.000
5	Trạm y tế xã	26.000
6	Hội chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/ca; chỉ áp dụng đối với trường hợp mời chuyên gia đơn vị khác đến hội chẩn tại cơ sở khám, chữa bệnh).	200.000
7	Khám cấp giấy chứng thương, giám định y khoa (không kể xét nghiệm, X-quang)	145.000
8	Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang)	145.000
9	Khám sức khỏe toàn diện cho người đi xuất khẩu lao động (không kể xét nghiệm, X-quang)	420.000

Phụ lục 2. GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ~~14~~ /2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: đồng

Số TT	Các loại dịch vụ	Bệnh viện hạng I	Bệnh viện hạng II	Bệnh viện hạng III	Bệnh viện hạng IV
A	B	1	2	3	4
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng hoặc ghép tủy hoặc ghép tế bào gốc	678.000	578.000		
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	411.000	314.000	272.000	242.000
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:				
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson hoặc Lyell)	217.000	178.000	162.000	144.000
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; YHDT hoặc PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	195.000	152.000	141.000	126.000
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	164.000	125.000	115.000	106.000
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng:				
4.1	Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	292.000	246.000		
4.2	Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	266.000	214.000	189.000	170.000
4.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	232.000	191.000	167.000	148.000
4.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	208.000	163.000	142.000	128.000
5	Ngày giường trạm y tế xã	53.000			
6	Ngày giường bệnh ban ngày	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng			

Ghi chú: Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế.